

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
KHÁCH SẠN ĐÔNG Á**

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn khách sạn Đông Á (sau đây được viết tắt là "Công ty") trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Đông Á được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Thanh Tùng. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn khách sạn Đông Á theo Quyết định số 48/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 20/10/2015 của Đại hội đồng cổ đông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600349907 đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003, đăng ký thay đổi lần 18 ngày 23/3/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty: Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là xây dựng, cho thuê tài sản, dịch vụ lưu trú ngắn ngày và bán hàng hoá.

Trụ sở chính: Phòng C301 tầng 3, tòa nhà Trung tâm Thương mại Đông Á, số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015; kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2015 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 38 kèm theo.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2015 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thu Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
Bà Nguyễn Thu Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc

5. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

6. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thanh



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 160417TH/2015/BCKT-AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn khách sạn Đông Á (sau đây được viết tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/3/2016, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Branch in Da Nang : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang

Representative in Can Tho : 48B/243/1A, 30/4 St., Ninh Kieu Dist, Can Tho City

Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St, Hong Bang Dist, Hai Phong

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048

Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620

Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765

Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscft@dng.vnn.vn

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn khách sạn Đông Á tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
& DỊCH VỤ TÍN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kiểm toán viên

Vũ Khánh Linh
Số CNĐKHNKT: 2355-2013-05-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp



Đào Tiến Đạt
Số CNĐKHNKT: 0078-2013-05-1
Bộ Tài chính Việt nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 đ	01/01/2015 đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.162.617.971	57.784.810.461
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.708.884.533	875.168.547
1. Tiền	111	V.1	1.708.884.533	875.168.547
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	250.000.000	300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		250.000.000	300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.986.551.168	23.935.037.752
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	12.919.378.163	3.240.638.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	317.710.000	1.416.396.764
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.749.463.005	19.278.002.772
IV. Hàng tồn kho	140		14.586.522.325	23.818.312.206
1. Hàng tồn kho	141	V.6	14.586.522.325	23.818.312.206
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.630.659.945	8.856.291.956
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	219.491.441	512.588.720
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.322.475.668	8.325.875.673
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	88.692.836	17.827.563
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		355.891.961.605	296.097.822.939
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		332.798.099.758	124.781.544.861
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	324.226.514.196	115.855.048.094
<i>Nguyên giá</i>	222		340.919.237.936	127.012.146.934
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.692.723.740)	(11.157.098.840)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8.571.585.562	8.926.496.767
<i>Nguyên giá</i>	228		9.477.360.000	9.477.360.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(905.774.438)	(550.863.233)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	21.167.683.942	170.434.758.905
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		21.167.683.942	170.434.758.905
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.926.177.905	881.519.173
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	1.901.164.405	867.773.690
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	25.013.500	13.745.483
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		397.054.579.576	353.882.633.400

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 đ	01/01/2015 đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		277.903.390.799	240.722.203.298
I. Nợ ngắn hạn	310		113.075.785.694	96.096.416.351
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.930.247.956	13.941.113.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	740.157.985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	2.274.457.644	168.712.453
4. Phải trả người lao động	314		497.970.042	342.074.133
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	610.603.519	1.315.872.959
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	684.596.442	724.355.571
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	4.887.369.795	1.025.413.482
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	100.190.540.296	77.838.716.623
II. Nợ dài hạn	330		164.827.605.105	144.625.786.947
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	885.145.226	1.665.236.947
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1.595.200.000	1.092.400.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	162.347.259.879	141.868.150.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		119.151.188.777	113.160.430.102
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	119.151.188.777	113.160.430.102
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.000.000.000	114.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.000.000.000	114.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.151.188.777	(839.569.898)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(839.569.898)	(2.793.659.756)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.990.758.675	1.954.089.858
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		397.054.579.576	353.882.633.400

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 đ	Năm 2014 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	112.778.022.295	41.006.125.934
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	112.778.022.295	41.006.125.934
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	89.232.009.370	33.513.261.387
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.546.012.925	7.492.864.547
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.920.247	5.680.841
6. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.5	11.044.254.088	3.773.160.948
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.044.254.088	3.773.160.948
7. Chi phí bán hàng	25	V.6a	913.644.763	513.157.450
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.6b	4.088.877.213	2.963.890.828
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.504.157.108	248.336.162
10. Thu nhập khác	31	V.7	227.817.775	4.653.712.545
11. Chi phí khác	32	V.8	46.535.634	2.952.502.869
12. Lợi nhuận khác	40		181.282.141	1.701.209.676
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.685.439.249	1.949.545.838
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.705.948.591	9.201.463
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.10	(11.268.017)	(13.745.483)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.990.758.675	1.954.089.858
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	5.255,05	1.949,32
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	5.255,05	

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015 đ	Năm 2014 đ
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	109.919.556.390	49.555.890.589
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(99.636.734.675)	(41.972.812.427)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.761.118.064)	(6.781.967.502)
4 Tiền lãi vay đã trả	04	(11.011.875.346)	(3.619.660.272)
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(279.871.065)	(27.986.545)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.230.088.165	26.414.477.190
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.210.526.251)	(10.072.517.868)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.249.519.154	13.495.423.165
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(57.541.656.967)	(132.513.623.221)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	240.000.000	5.000.000.000
3 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	50.000.000	0
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.920.247	5.680.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(57.246.736.720)	(127.507.942.380)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	18.565.000.000
2 Tiền thu từ đi vay	33	161.995.716.415	266.888.080.944
3 Tiền trả nợ gốc vay	34	(119.164.782.863)	(170.770.780.455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	42.830.933.552	114.682.300.489
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	833.715.986	669.781.274
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	875.168.547	205.387.273
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.708.884.533	875.168.547

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Văn Thanh



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Đông Á được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Thanh Tùng. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn khách sạn Đông Á theo Quyết định số 48/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 20/10/2015 của Đại hội đồng cổ đông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600349907 đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003, đăng ký thay đổi lần 18 ngày 23/3/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Trụ sở chính: Phòng C301 tầng 3, tòa nhà Trung tâm Thương mại Đông Á, số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2015 là **114.000.000.000 đồng** (Một trăm mười bốn tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng, cho thuê tài sản, dịch vụ lưu trú ngắn ngày và bán hàng hoá..

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12..

4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng. Một số chỉ tiêu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại như trình bày tại Thuyết minh số VIII.4 theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

II- NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng kế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: Theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp"; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

6.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

6.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

6.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước (tiếp theo)

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện (tiếp theo)

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; Và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp nghiệm thu trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay và các khoản chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu về cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

20. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền mặt tại quỹ	208.407.495	508.869.638
Tiền gửi ngân hàng	1.500.477.038	366.298.909
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN thành phố Thái Nguyên	215.750.813	63.227.922
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	3.865.180	10.631.228
Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Thái Nguyên	0	1.510.670
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	768.428	760.528
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Thái Nguyên	0	17.209.242
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội	1.253.459	1.242.660
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	0	0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá	1.260.431	1.237.755
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên	1.020.231.956	270.478.904
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	257.346.771	0
Cộng	<u><u>1.708.884.533</u></u>	<u><u>875.168.547</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1. Ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	300.000.000	300.000.000
Cho vay Ông Phạm Văn Tuấn	250.000.000	250.000.000	300.000.000	300.000.000
Cộng	250.000.000	250.000.000	300.000.000	300.000.000

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	12.919.378.163	0	3.240.638.216	0
BQL và điều hành dự án các công trình XDCB huyện Phổ Yên	5.164.907.700	0	1.472.960.234	0
Doanh nghiệp tư nhân Thành Nguyễn Gia Sàng	2.300.016.030	0	0	0
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thảo Trang	1.914.488.400	0	87.250.000	0
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO	1.014.220.578	0	0	0
Công ty TNHH Sơn Nam	863.688.870	0	0	0
Công ty CP Luyện cán thép Gia Sàng	677.398.585	0	0	0
Công ty CP Tư vấn xây dựng và Thương mại Quyết Tiến	240.504.000	0	0	0
Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	0	0	813.969.482	0
BQL các Dự án ĐTXD ngoài chương trình 135 huyện Võ Nhai	0	0	140.875.000	0
Các đối tượng khác	744.154.000	0	725.583.500	0
Cộng	12.919.378.163	0	3.240.638.216	0

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	317.710.000	0	1.416.396.764	0
CN Giao dịch Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam	116.000.000	0	0	0
Công ty CP Kiến trúc Tiêu Điểm	100.000.000	0	0	0
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Phương Thảo GH	95.810.000	0	0	0
Công ty TNHH XD và TM Hà Phát	0	0	507.208.291	0
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Việt	0	0	456.063.730	0
Các đối tượng khác	5.900.000	0	453.124.743	0
Cộng	317.710.000	0	1.416.396.764	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	3.749.463.005	0	19.278.002.772	0
Phải thu về chi hộ BHXH	66.623.789	0	118.577.027	0
Tạm ứng đội Ông Nguyễn Quốc Việt	3.582.667.026	0	18.503.673.902	0
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	100.172.190	0	0	0
Phải thu về tạm ứng	0	0	655.751.843	0
Cộng	3.749.463.005	0	19.278.002.772	0

6. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	535.841.646	0	683.250.376	0
Công cụ, dụng cụ	645.859.443	0	868.328.857	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	298.584.703	0	5.245.978.687	0
Hàng hóa	13.106.236.533	0	17.020.754.286	0
Cộng giá gốc hàng tồn kho	14.586.522.325	0	23.818.312.206	0

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	111.695.955.462	9.283.350.927	6.032.840.545	0	0	127.012.146.934
Tăng do mua sắm	0	47.377.830.178	8.253.845.455	159.620.400	102.661.546	55.893.957.579
Tăng do XDCB hoàn thành	158.684.627.969	0	0	0	0	158.684.627.969
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(671.494.546)	0	0	(671.494.546)
Tại ngày 31/12/2015	270.380.583.431	56.661.181.105	13.615.191.454	159.620.400	102.661.546	340.919.237.936
GIÁ TRỊ HAO MÔN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	9.041.281.333	388.152.885	1.727.664.622	0	0	11.157.098.840
Khấu hao trong năm	3.654.370.864	1.246.795.503	1.029.955.601	18.622.380	5.133.078	5.954.877.426
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(419.252.526)	0	0	(419.252.526)
Tại ngày 31/12/2015	12.695.652.197	1.634.948.388	2.338.367.697	18.622.380	5.133.078	16.692.723.740
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	102.654.674.129	8.895.198.042	4.305.175.923	0	0	115.855.048.094
Tại ngày 31/12/2015	257.684.931.234	55.026.232.717	11.276.823.757	140.998.020	97.528.468	324.226.514.196

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 266.115.273.885 đồng.
- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao tại ngày 31/12/2015 nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.
- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2015 chờ thanh lý: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	9.363.360.000	114.000.000	9.477.360.000
Tại ngày 31/12/2015	9.363.360.000	114.000.000	9.477.360.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	535.663.233	15.200.000	550.863.233
Khấu hao trong năm	332.111.205	22.800.000	354.911.205
Tại ngày 31/12/2015	867.774.438	38.000.000	905.774.438
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	8.827.696.767	98.800.000	8.926.496.767
Tại ngày 31/12/2015	8.495.585.562	76.000.000	8.571.585.562

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
b. Xây dựng cơ bản dở dang	21.167.683.942	170.434.758.905
Công trình Khách sạn Đông Á 2	5.976.900.000	0
Công trình Trung tâm dưỡng lão và du lịch sinh thái Hồ Núi Cốc	15.065.783.942	0
Công trình Chợ Đồng Quang 2	0	170.434.758.905
Phần mềm quản lý khách sạn và kế toán Nhị Hà	125.000.000	0
Cộng	21.167.683.942	170.434.758.905

10. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	219.491.441	512.588.720
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	75.600.000	507.245.349
Chi phí bảo hiểm tài sản, phí đường bộ	143.891.441	5.343.371
b. Chi phí trả trước dài hạn	1.901.164.405	867.773.690
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.797.006.011	867.773.690
Chi phí mua phần mềm kế toán	3.541.667	0
Chi phí bảo hiểm vật chất xe	100.616.727	0
Cộng	2.120.655.846	1.380.362.410

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
a- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	25.013.500	13.745.483
Cộng	25.013.500	13.745.483

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Tel: 02803 651 967

Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. Phải trả người bán**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	3.930.247.956	3.930.247.956	13.941.113.145	13.941.113.145
Công ty CP Tư vấn xây dựng và Thương mại Quyết Tiến	2.382.083.979	2.382.083.979	4.319.612.152	4.319.612.152
Công ty TNHH Điện lạnh Thái Nguyên	521.840.000	521.840.000	210.407.400	210.407.400
Doanh nghiệp tư nhân Xá Thăng Long	150.000.000	150.000.000	0	0
Doanh nghiệp tư nhân Đông Huyền	138.379.544	138.379.544	177.672.644	177.672.644
Công ty TNHH Thang máy Thyssenkrupp Việt Nam	0	0	765.374.020	765.374.020
Công ty Cổ phần Kim khí Ngọc Anh	0	0	869.275.396	869.275.396
Công ty Cổ phần Gạch Cao Ngạn	0	0	721.659.488	721.659.488
DNTN Sắt thép 27-7	0	0	1.514.599.999	1.514.599.999
Các nhà cung cấp khác	737.944.433	737.944.433	5.362.512.046	5.362.512.046
Cộng	3.930.247.956	3.930.247.956	13.941.113.145	13.941.113.145

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
	a. Phải nộp			
Thuế giá trị gia tăng	158.413.709	3.424.563.298	3.310.438.076	272.538.931
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.356.885	66.256.339	62.946.896	8.666.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.941.859	1.705.948.591	209.005.792	1.501.884.658
Thuế thu nhập cá nhân	0	14.650.741	1.641.540	13.009.201
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	663.382.842	185.024.316	478.358.526
Thuế môn bài	0	8.000.000	8.000.000	0
Cộng	168.712.453	5.882.801.811	3.777.056.620	2.274.457.644
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	17.827.563	0	70.865.273	88.692.836
Cộng	17.827.563	0	70.865.273	88.692.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
a. Ngắn hạn	610.603.519	1.315.872.959
Công trình "Khu dân cư Đồng Quang"	0	1.053.537.499
Lãi vay phải trả	294.714.202	262.335.460
Công trình "Kè đã và bãi đỗ xe ô tô Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên"	315.889.317	0
Cộng	<u>610.603.519</u>	<u>1.315.872.959</u>

15. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
a. Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê mặt bằng	684.596.442	724.355.571
Cộng	<u>684.596.442</u>	<u>724.355.571</u>
b. Dài hạn		
Doanh thu cho thuê mặt bằng	885.145.226	1.665.236.947
Cộng	<u>885.145.226</u>	<u>1.665.236.947</u>

16. Phải trả khác

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
a. Ngắn hạn	4.887.369.795	1.025.413.482
Kinh phí công đoàn	417.370	417.370
Bảo hiểm xã hội	35.396.942	141.744.250
Phải trả đội Nguyễn Văn Nam tiền ứng vốn thi công	4.346.350.021	812.734.589
Phải trả đội Lương Khắc Giới tiền ứng vốn thi công	463.598.189	0
Công ty Adviors đặt cọc tiền thuê địa điểm	38.880.000	0
Nhà hàng Asean	0	7.790.000
Ông Nguyễn Hữu Hợp - nhận đặt cọc thuê địa điểm	0	60.000.000
Phải trả khác	2.727.273	2.727.273
b. Dài hạn	1.595.200.000	1.092.400.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.595.200.000	1.092.400.000
Cộng	<u>6.482.569.795</u>	<u>2.117.813.482</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2015	Tăng	Giảm	01/01/2015
a- Ngắn hạn (*)				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	0	2.827.824.596	5.107.880.772	2.280.056.176
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Thái Nguyên	0	0	1.611.598.188	1.611.598.188
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN thành phố Thái Nguyên	5.992.921.929	11.524.768.241	11.221.519.418	5.689.673.106
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	18.869.444.752	38.579.037.072	19.709.592.320	0
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên	28.814.566.305	45.765.976.627	36.944.274.015	19.992.863.693
Vay ngắn hạn cá nhân	46.513.607.310	33.737.000.000	35.487.918.150	48.264.525.460
Ông Nguyễn Văn Thanh	34.162.647.310	27.077.000.000	28.427.918.150	35.513.565.460
Ông Nguyễn Văn Thảo	5.450.960.000	0	0	5.450.960.000
Bà Đỗ Thị Bình	1.000.000.000	3.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000
Bà Trần Thị Thủy	940.000.000	240.000.000	0	700.000.000
Bà Trần Thị Sáu	800.000.000	0	0	800.000.000
Bà Phương Thị Yến	630.000.000	0	0	630.000.000
Bà Trần Thị Bích Thủy	340.000.000	610.000.000	460.000.000	190.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	300.000.000	600.000.000	300.000.000	0
Bà Nguyễn Thu Giang	170.000.000	0	1.300.000.000	1.470.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác	2.720.000.000	2.210.000.000	1.000.000.000	1.510.000.000
Cộng	100.190.540.296	132.434.606.536	110.082.782.863	77.838.716.623
b- Dài hạn (**)				
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN thành phố Thái Nguyên	285.000.000	0	190.000.000	475.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	8.800.000.000	8.800.000.000	0	0
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên	153.199.259.879	20.251.109.879	7.427.800.000	140.375.950.000
Vay dài hạn cá nhân	63.000.000	30.000.000	984.200.000	1.017.200.000
Bà Phạm Thị Tuyết Mai - Đồng Quang	0	0	800.000.000	800.000.000
Vay dài hạn cá nhân khác	63.000.000	30.000.000	184.200.000	217.200.000
Cộng	162.347.259.879	29.081.109.879	8.602.000.000	141.868.150.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết Vay ngắn hạn:

Vay ngắn hạn ngân hàng:

Số hợp đồng vay/ Số khế ước	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Số dư Gốc vay tại 31/12/2015
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN thành phố Thái Nguyên					
8501LDS201502855	6	9,5%	28/7/2015	28/01/2016	657.647.375
8501LDS201502875	6	9,5%	30/7/2015	30/01/2016	289.673.410
8501LDS	6	9,5%	05/8/2015	05/02/2016	192.763.450
8501LDS	6	9,5%	13/8/2015	13/02/2016	200.000.000
8501LDS	6	9,0%	04/9/2015	04/3/2016	200.000.000
8501LDS-06	6	9,0%	06/10/2015	06/4/2016	201.843.288
8501LDS201504195	6	9,0%	29/10/2015	29/4/2016	461.422.018
8501LDS201504284	6	9,0%	04/11/2015	04/5/2016	395.127.672
8501LDS-09	6	8,0%	29/11/2015	29/5/2016	421.373.992
8501LDS20150592	6	8,0%	21/12/2015	21/6/2016	491.367.485
8501LDS2015LDS05110	6	8,0%	22/12/2015	22/6/2016	1.150.051.760
8501LDS-12	6	8,0%	25/12/2015	25/6/2016	572.981.323
8501LDS-13	6	8,0%	30/12/2015	30/6/2016	758.670.156
Cộng					5.992.921.929
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên					
10	6	8,5%	23/7/2015	23/01/2016	286.662.000
11	6	8,0%	19/11/2015	19/5/2016	550.007.700
12	6	8,0%	20/11/2015	20/5/2016	1.207.748.400
13	6	8,0%	24/11/2015	24/5/2016	1.903.725.990
14	6	8,0%	25/11/2015	25/5/2016	333.193.000
15	6	8,0%	30/11/2015	30/5/2016	2.000.297.073
16	6	8,0%	02/12/2015	02/6/2016	1.512.362.000
17	6	8,0%	04/12/2015	04/6/2016	1.695.932.779
18	6	8,0%	07/12/2015	07/6/2016	734.457.320
19	6	8,0%	08/12/2015	08/6/2016	1.056.819.060
20	6	8,0%	10/12/2015	10/6/2016	1.016.025.000
21	6	8,0%	11/12/2015	11/6/2016	2.552.940.140
22	6	8,0%	14/12/2015	14/6/2016	2.888.076.030
23	6	8,0%	22/12/2015	22/6/2016	1.131.198.260
Cộng					18.869.444.752
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên					
300/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	17/7/2015	17/01/2016	590.555.810
309/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	22/7/2015	22/01/2016	767.376.219
320/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	30/7/2015	30/01/2016	379.686.563
341/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	07/8/2015	07/02/2016	495.352.000
351/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	14/8/2015	14/02/2016	362.008.088
363/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	19/8/2015	19/02/2016	1.028.843.286
369/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	19/8/2015	19/02/2016	509.641.991
376/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	22/8/2015	22/02/2016	441.424.670
390/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	28/8/2015	28/02/2016	599.267.451

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết Vay ngắn hạn (tiếp theo):

Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo):

Số hợp đồng vay/ Số khế ước	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Số dư Gốc vay tại 31/12/2015
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên					
435/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	15/9/2015	15/3/2016	567.035.885
437/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	16/9/2015	16/3/2016	807.634.961
441/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	17/9/2015	17/3/2016	775.141.039
437/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	23/9/2015	23/3/2016	1.486.387.336
468/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	24/9/2015	24/3/2016	2.631.731.342
482/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	30/9/2015	30/3/2016	1.238.491.528
494/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	02/10/2015	02/4/2016	491.139.067
504/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	07/10/2015	07/4/2016	686.962.303
505/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	08/10/2015	08/4/2016	918.611.798
510/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	13/10/2015	13/4/2016	557.062.754
515/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	16/10/2015	16/4/2016	248.425.436
530/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	22/10/2015	22/10/2016	963.222.590
537/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	23/10/2015	23/4/2016	2.504.545.060
570/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	06/11/2015	06/5/2016	588.588.417
589/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	12/11/2015	12/5/2016	606.818.202
607/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	17/11/2015	17/5/2016	650.232.540
622/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	19/11/2015	19/5/2016	875.526.871
632/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	20/11/2015	20/5/2016	1.049.900.740
637/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	23/11/2015	23/5/2016	3.591.569.900
642/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	24/11/2015	24/5/2016	99.856.000
650/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	25/11/2015	25/5/2016	549.293.560
722/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	14/12/2015	14/6/2016	574.699.515
725/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	15/12/2015	15/6/2016	401.599.690
734/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	17/12/2015	17/6/2016	96.796.000
740/15/HĐTD/119-11	6	9,0%	21/12/2015	21/12/2016	679.137.693
Cộng					28.814.566.305

Vay ngắn hạn cá nhân:

Số hợp đồng vay/ Số khế ước	Ngày HĐ	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Số dư Gốc vay tại 31/12/2015
Ông Nguyễn Văn Thanh				
01.T1/2015/HĐVV-NH	01/01/2015	12	0%	1.430.000.000
01.T10/2014/HĐVV-NH và PL01/01.T10/2014/HĐVV-NH	01/10/2014	12	0%	915.000.000
01.T11/2014/HĐVV-NH và PL01/01.T11/2014/HĐVV-NH	01/11/2014	12	0%	200.000.000
01.T12/2014/HĐVV-NH và PL01/01.T12/2014/HĐVV-NH	01/12/2014	12	0%	200.000.000
01.T2/2015/HĐVV-NH	01/02/2015	12	0%	7.350.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**(*) Chi tiết Vay ngắn hạn (tiếp theo):****Vay ngắn hạn cá nhân (tiếp theo):**

Số hợp đồng vay/ Số khế ước	Ngày HĐ	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Số dư Gốc vay tại 31/12/2015
01.T9/2014/HDVV-NH và PL01/01.T9/2014/HDVV-NH	01/9/2014	12	0%	5.770.647.310
01.T3/2015/HDVV-NH	01/3/2015	12	0%	4.487.000.000
01.T4/2015/HDVV-NH	01/4/2015	12	0%	2.000.000.000
01.T5/2015/HDVV-NH	01/5/2015	12	0%	2.250.000.000
01.T6/2015/HDVV-NH	01/6/2015	12	0%	3.550.000.000
01.T7/2015/HDVV-NH	01/7/2015	12	0%	100.000.000
01.T8/2015/HDVV-NH	01/8/2015	12	0%	1.200.000.000
01.T9/2015/HDVV-NH	01/9/2015	12	0%	600.000.000
01.T11/2015/HDVV-NH	01/11/2015	12	0%	2.000.000.000
01.T12/2015/HDVV-NH	01/12/2015	12	0%	2.110.000.000
Cộng				34.162.647.310
Ông Nguyễn Văn Thảo				
02.T12/2013/HDVV-NH, PL01/02.T12/2013/HDVV-NH và PL02/02.T12/2013/HDVV-NH	01/12/2013	12	0%	1.310.960.000
02.T1/2014/HDVV-NH và PL01/02.T1/2014/HDVV-NH	01/01/2014	12	0%	1.200.000.000
02.T5/2014/HDVV-NH và PL01/02.T5/2014/HDVV-NH	01/5/2014	12	0%	830.000.000
02.T6/2014/HDVV-NH và PL01/02.T6/2014/HDVV-NH	01/6/2014	12	0%	1.310.000.000
02.T7/2014/HDVV-NH và PL01/02.T7/2014/HDVV-NH	01/7/2014	12	0%	600.000.000
02.T8/2014/HDVV-NH và PL01/02.T8/2014/HDVV-NH	01/8/2014	12	0%	200.000.000
Cộng				5.450.960.000
Bà Đỗ Thị Bình				
02.T6/2015/HDVV-NH	01/6/2015	12	0%	1.000.000.000
Cộng				1.000.000.000
Bà Trần Thị Thủy				
09.T1/2014/HDVV-NH và PL01/09.T1/2014/HDVV-NH	01/01/2014	12	0%	270.000.000
02.T9/2014/HDVV-NH và PL01/02.T9/2014/HDVV-NH	01/9/2014	12	0%	430.000.000
08.T1/2015/HDVV-NH	01/01/2015	12	0%	240.000.000
Cộng				940.000.000
Bà Trần Thị Sáu				
01.T5/2014/HDVV-NH và PL01/01.T5/2014/HDVV-NH	01/5/2014	12	0%	800.000.000
Cộng				800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết Vay ngắn hạn (tiếp theo):

Vay ngắn hạn cá nhân (tiếp theo):

Số hợp đồng vay/ Số khế ước	Ngày HĐ	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Số dư Gốc vay tại 31/12/2015
Bà Phương Thị Yên				
02.T11/2014/HDVV-NH và PL01/02.T11/2014/HDVV-NH	01/11/2014	12	0%	630.000.000
Cộng				630.000.000
Bà Trần Thị Bích Thủy				
07.T1/2015/HDVV-NH	01/01/2015	12	0%	130.000.000
04.T8/2015/HDVV-NH	01/8/2015	12	0%	100.000.000
03.T10/2015/HDVV-NH	01/10/2015	12	0%	110.000.000
Cộng				340.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc				
02.T10/2015/HDVV-NH	01/10/2015	12	0%	300.000.000
Cộng				300.000.000
Bà Nguyễn Thu Giang				
02.T4/2014/HDVV-NH và PL01/02.T4/2014/HDVV-NH	01/4/2014	12	0%	170.000.000
Cộng				170.000.000
Bà Đinh Thị Hân				
02.T3/2015/HDVV-NH	01/3/2015	12	0%	500.000.000
Cộng				500.000.000
Nguyễn Đình Đức				
02.T1/2015/HDVV-NH	01/01/2015	12	0%	150.000.000
Cộng				150.000.000
Nguyễn Thế Phong				
02.T10/2014/HDVV-NH và PL01/02.T10/2014/HDVV-NH	01/10/2014	12	0%	100.000.000
Cộng				100.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Dung				
03.T1/2015/HDVV-NH	01/01/2015	12	0%	130.000.000
Cộng				130.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Nhung				
03.T8/2015/HDVV-NH	01/8/2015	12	0%	100.000.000
Cộng				100.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhân				
03.T1/2014/HDVV-NH và PL01/03.T1/2014/HDVV-NH	01/01/2014	12	0%	100.000.000
Cộng				100.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhạn				
03.T4/2014/HDVV-NH và PL01/03.T4/2014/HDVV-NH	01/4/2014	12	0%	100.000.000
04.T1/2015/HDVV-NH	01/01/2015	12	0%	100.000.000
Cộng				200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết Vay ngắn hạn (tiếp theo):

Vay ngắn hạn cá nhân (tiếp theo):

Số hợp đồng vay/ Số kế ước	Ngày HĐ	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Số dư Gốc vay tại 31/12/2015
Ông Nguyễn Trường Khánh				
05.T1/2014/HDVV-NH và PL01/05.T1/2014/HDVV-NH	01/01/2014	12	0%	210.000.000
Cộng				210.000.000
Bà Phương Thị Nga				
06.T1/2015/HDVV-NH	01/01/2015	12	0%	300.000.000
Cộng				300.000.000
Bà Đỗ Thị Quế				
01.T10/2015/HDVV-NH	01/10/2015	8	0%	30.000.000
Cộng				30.000.000
Bà Trần Thị Thanh Loan				
04.T7/2014/HDVV-NH và PL01/04.T7/2014/HDVV-NH	01/7/2014	12	0%	300.000.000
Cộng				300.000.000
Ông Từ Văn Trung				
01.T10/2015/HDVV-NH	01/10/2015	12	0%	500.000.000
Cộng				500.000.000
Bà Vũ Thị Hồng				
05.T3/2014/HDVV-NH và PL01/05.T3/2014/HDVV-NH	01/3/2014	12	0%	100.000.000
Cộng				100.000.000

(**) Chi tiết Vay dài hạn:

Vay dài hạn ngân hàng:

Số hợp đồng vay/ Số kế ước	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Số dư Gốc vay tại 31/12/2015
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN thành phố Thái Nguyên					
8501-LDS-201402552	36	11,0%	04/3/2014	04/3/2017	285.000.000
Cộng					285.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên					
01	72	10,0%	16/4/2015	16/4/2021	2.758.985.677
02	72	10,0%	25/4/2015	16/4/2021	2.900.000.000
03	72	10,0%	21/5/2015	16/4/2021	441.014.323
04	72	10,0%	27/5/2015	16/4/2021	2.700.000.000
Cộng					8.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(**) Chi tiết Vay dài hạn (tiếp theo):

Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo):

Số hợp đồng vay/ Số khế ước	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Số dư Gốc vay tại 31/12/2015
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên					
01/2014	108	10,5%	16/4/2014	15/4/2023	99.544.560.326
02/2014	108	10,5%	21/4/2014	16/4/2023	5.707.536.548
03/2014	108	10,5%	29/4/2014	17/4/2023	5.531.000.000
05/2014	108	10,5%	14/5/2014	18/4/2023	2.000.000.000
07/2014	108	10,5%	23/5/2014	19/4/2023	6.298.122.000
08/2014	108	10,5%	30/5/2014	20/4/2023	3.945.000.000
09/2014	108	10,5%	05/6/2014	21/4/2023	3.547.000.000
10/2014	108	10,5%	01/7/2014	22/4/2023	1.803.000.000
12/2014	108	10,5%	08/7/2014	23/4/2023	3.477.185.000
14/2014	108	10,5%	22/8/2014	24/4/2023	959.096.126
01/2015	108	10,5%	29/01/2015	25/4/2023	4.850.000.000
02/2015	108	10,5%	06/02/2015	26/4/2023	6.581.064.879
03/2015	108	10,5%	13/02/2015	27/4/2023	1.560.455.000
04/2015	108	10,5%	25/3/2015	28/4/2023	1.985.000.000
119TH1400007	48	11,0%	05/6/2014	05/6/2018	266.150.000
087/14/HĐTĐ/119-11	48	8,0%	19/3/2015	19/3/2019	569.500.000
001/2015/KUNN/HĐTĐ/119-11	60	10,5%	13/11/2015	13/11/2020	4.574.590.000
Cộng					153.199.259.879

Vay dài hạn cá nhân:

Số hợp đồng vay/ Số khế ước	Ngày HĐ	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Số dư Gốc vay tại 31/12/2015
Ông Hoàng Trung Thao				
01.T2/2014/HĐVV-DH	10/02/2014	60	0%	33.000.000
01.T3/2015/HĐVV-DH	09/3/2015	60	0%	30.000.000
Cộng				63.000.000

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.905.000.000	(2.793.659.756)	78.111.340.244
Tăng vốn trong năm trước	33.095.000.000	0	33.095.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	0	1.954.089.858	1.954.089.858
Số dư cuối năm trước; Số dư đầu năm nay	114.000.000.000	(839.569.898)	113.160.430.102
Lợi nhuận trong năm nay	0	5.990.758.675	5.990.758.675
Số dư cuối năm nay	114.000.000.000	5.151.188.777	119.151.188.777

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	114.000.000.000	114.000.000.000
Cộng	114.000.000.000	114.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	114.000.000.000	80.905.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	33.095.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	114.000.000.000	114.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

d. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.140.000	1.140.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	0	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	0	0
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.140.000	1.140.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.140.000	1.140.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 đồng/cổ phiếu.

**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ
 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	Năm 2015	Năm 2014
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.778.022.295	41.006.125.934
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	64.269.932.383	18.144.465.834
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.441.766.010	16.194.415.116
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	9.066.323.902	6.667.244.984
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.778.022.295	41.006.125.934
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng	64.269.932.383	18.144.465.834
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	39.441.766.010	16.194.415.116
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	9.066.323.902	6.667.244.984

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn của hàng hóa đã bán	61.066.245.443	16.132.032.079
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.516.527.320	10.980.654.805
Giá vốn hợp đồng xây dựng	8.649.236.607	6.400.574.503
Cộng	89.232.009.370	33.513.261.387

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.920.247	5.680.841
Cộng	4.920.247	5.680.841

5. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	11.044.254.088	3.773.160.948
Cộng	11.044.254.088	3.773.160.948

6. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	628.234.641	359.103.534
Chi phí vật liệu, bao bì	101.118.750	36.602.500
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	149.767.750	102.251.416
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.800.000	15.200.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.723.622	0
Cộng	913.644.763	513.157.450
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	1.272.677.584	1.077.423.009
Chi phí vật liệu, bao bì	463.629.464	91.711.536
Chi phí đồ dùng văn phòng	310.824.655	314.554.564
Chi phí khấu hao TSCĐ	620.929.896	497.658.477
Thuế, phí, lệ phí	684.936.509	74.387.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.079.117	768.097.523
Chi phí bằng tiền khác	37.799.988	140.058.444
Cộng	4.088.877.213	2.963.890.828

7. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ		4.545.454.545
Tiền tài trợ trưng bày sản phẩm	105.750.000	105.750.000
Phạt vi phạm hợp đồng	60.000.000	0
Thu nhập khác	62.067.775	2.508.000
Cộng	227.817.775	4.653.712.545

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.952.502.869
Chênh lệch chi phí lớn hơn thu nhập từ thanh lý TSCĐ	34.060.202	
Phạt vi phạm hành chính	12.475.432	0
Cộng	46.535.634	2.952.502.869

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.685.439.249	1.949.545.838
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	16.451.786	(2.688.988.946)
Chênh lệch tạm thời khi tính thuế TNDN	(37.099.050)	(2.020.564.220)
Chi phí khấu hao TSCĐ không được trừ	13.400.000	13.400.000
Lỗi từ các năm trước chuyển sang	(19.064.596)	(681.824.726)
Chi phí không có hoá đơn hợp lệ	46.740.000	0
Phạt vi phạm hành chính	12.475.432	0
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	7.701.891.035	(739.443.108)
Hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị có lãi	7.754.311.778	43.144.090
Hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị bị lỗ	(52.420.743)	(782.587.198)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.705.948.591	9.201.463

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(11.268.017)	(13.745.483)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(11.268.017)	(13.745.483)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.672.591.759	9.898.323.506
Chi phí nhân công	4.638.033.027	7.126.088.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.309.788.631	3.760.094.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.453.667.528	2.757.399.982
Chi phí khác bằng tiền	848.226.271	1.597.070.154
Cộng	27.922.307.216	25.138.976.558

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.990.758.675	1.954.089.858
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.990.758.675	1.954.089.858
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.140.000	1.002.449
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.255,05	1.949,32

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.990.758.675
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	5.990.758.675
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.140.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	1.140.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.255,05

14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

14.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 và ngày 31/12/2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14.1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
Đồng	+100	(2.608.289.157)
Đồng	-100	2.608.289.157
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
Đồng	+100	(2.188.316.981)
Đồng	-100	2.188.316.981

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động nhỏ so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

14.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khác bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm đ	Trên 1 năm đ	Tổng cộng đ
Tại ngày 01/01/2015			
Các khoản vay và nợ	77.838.716.623	141.868.150.000	219.706.866.623
Phải trả người bán	13.941.113.145	0	13.941.113.145
Chi phí phải trả	1.315.872.959	0	1.315.872.959
Các khoản phải trả khác	67.790.000	1.092.400.000	1.160.190.000
Cộng	93.163.492.727	142.960.550.000	236.124.042.727
Tại ngày 31/12/2015			
Các khoản vay và nợ	100.190.540.296	162.347.259.879	262.537.800.175
Phải trả người bán	3.930.247.956	0	3.930.247.956
Chi phí phải trả	610.603.519	0	610.603.519
Các khoản phải trả khác	38.880.000	1.595.200.000	1.634.080.000
Cộng	104.770.271.771	163.942.459.879	268.712.731.650

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng vào ngày 31/12/2015.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31/12/2015 và ngày 01/01/2015.

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Giá trị ghi sổ (đ)				Giá trị hợp lý (đ)	
	31/12/2015		01/01/2015		31/12/2015	01/01/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.708.884.533	0	875.168.547	0	1.708.884.533	875.168.547
Phải thu khách hàng	12.919.378.163	0	3.240.638.216	0	12.919.378.163	3.240.638.216
Phải thu về cho vay	250.000.000	0	300.000.000	0	250.000.000	300.000.000
Cộng	14.878.262.696	0	4.415.806.763	0	14.878.262.696	4.415.806.763
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	262.537.800.175	0	219.706.866.623	0	262.537.800.175	219.706.866.623
Phải trả người bán	3.930.247.956	0	13.941.113.145	0	3.930.247.956	13.941.113.145
Chi phí phải trả	610.603.519	0	1.315.872.959	0	610.603.519	1.315.872.959
Phải trả khác	1.634.080.000	0	1.160.190.000	0	1.634.080.000	1.160.190.000
Cộng	268.712.731.650	0	236.124.042.727	0	268.712.731.650	236.124.042.727

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2015. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: đồng

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	161.995.716.415	266.888.080.944
Cộng	161.995.716.415	266.888.080.944

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	119.164.782.863	170.770.780.455
Cộng	119.164.782.863	170.770.780.455

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2015 mà chưa được trình bày trong Báo cáo này.

2. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch và số dư với thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Đối tượng	Nội dung giao dịch	Dư tại 01/01/2015	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Dư tại 31/12/2015
Ông Nguyễn Văn Thanh - Tổng Giám đốc	Tạm ứng	63.000.000	4.000.000	67.000.000	0
	Vay ngắn hạn	35.513.565.460	27.077.000.000	28.427.918.150	34.162.647.310
Ông Nguyễn Văn Thảo - Phó Tổng Giám đốc	Vay ngắn hạn	5.450.960.000	0	0	5.450.960.000
	Vay dài hạn	54.200.000	0	54.200.000	0
Bà Nguyễn Thu Giang - Phó Tổng Giám đốc	Vay ngắn hạn	1.470.000.000	0	1.300.000.000	170.000.000

Lương và thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2015 là 210.567.835 đồng.

3. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong năm tài chính 2015, tổng doanh thu cũng như tổng tài sản và nợ phải trả của Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh Thái Nguyên nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng, cho thuê tài sản, dịch vụ lưu trú ngắn ngày và bán hàng hoá. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Chi tiêu	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cho thuê tài sản	Hoạt động xây lắp	Dịch vụ lưu trú	Cho thuê hội trường tổ chức sự kiện	Hoạt động khác	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	64.269.932.383	5.910.034.472	9.066.323.902	25.591.436.447	7.147.813.825	792.481.266	112.778.022.295
- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.269.932.383	5.910.034.472	9.066.323.902	25.591.436.447	7.147.813.825	792.481.266	112.778.022.295
2. Chi phí	63.917.082.358	2.158.523.241	9.051.393.726	14.357.913.673	4.010.235.770	739.382.578	94.234.531.346
- Giá vốn	61.066.245.443	1.896.370.414	8.649.236.607	13.222.748.145	3.693.178.466	704.230.295	89.232.009.370
- Chi phí phân bổ	2.850.836.915	262.152.827	402.157.119	1.135.165.528	317.057.304	35.152.283	5.002.521.976
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	352.850.025	3.751.511.231	14.930.176	11.233.522.774	3.137.578.055	53.098.688	18.543.490.949
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	122.284.031.085	11.244.804.721	17.250.160.265	48.691.882.720	13.599.881.866	1.507.824.891	214.578.585.548
5. Tài sản bộ phận	226.259.184.604	20.805.990.158	31.917.554.249	90.093.412.715	25.163.532.429	2.789.891.921	397.029.566.076
6. Tài sản không phân bổ	19.922.766	0	5.090.734	0	0	0	25.013.500
Tổng tài sản	226.279.107.370	20.805.990.158	31.922.644.983	90.093.412.715	25.163.532.429	2.789.891.921	397.054.579.576
7. Nợ phải trả bộ phận	158.371.567.192	14.563.286.233	22.340.896.774	63.061.461.970	17.613.375.890	1.952.802.740	277.903.390.799
8. Nợ phải trả không phân bổ	0	0	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	158.371.567.192	14.563.286.233	22.340.896.774	63.061.461.970	17.613.375.890	1.952.802.740	277.903.390.799

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm tài chính 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Đông Á (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn khách sạn Đông Á) đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Ghi chú
Trên Bảng cân đối kế toán				
Các khoản phải thu khác	135	118.577.027		Chuyển số dư Tạm ứng từ Chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn khác sang Chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác
Tài sản ngắn hạn khác	158	19.159.425.745		
Phải thu ngắn hạn khác	136		19.278.002.772	
Doanh thu chưa thực hiện	338	2.389.592.518		Tách số dư Doanh thu chưa thực hiện thành 02 (hai) Chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và Doanh thu chưa thực hiện dài hạn
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		724.355.571	
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.665.236.947	
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	41.024.863.876	41.006.125.934	Thuế tiêu thụ đặc biệt không trình bày trên Chỉ tiêu 02 - Các khoản giảm trừ doanh thu
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18.737.942	0	

5. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



 Nguyễn Văn Thanh